

Bản án số: 145 /2021/ HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 12 -2021

“V/v Ly hôn giữa chị D và anh N”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **NGUYỄN VĂN BÌNH**

2. Ông **TRẦN TRUNG NHÂN**

- Thư ký phiên tòa: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Không tham gia.

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141 /2021/QĐXX-ST ngày 19 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Kiều D**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Hoàng N**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: đội 5, ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị D xin vắng mặt, anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện nguyên đơn chị Lê Thị Kiều D trình bày: Do được mai mối và sắp đặt của gia đình nên chị và anh N tiến đến hôn nhân năm 2000, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, anh N thường xuyên kiểm chuyện chửi mắng, đánh đập chị, vợ chồng thường hay cãi nhau nên mất hạnh phúc.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm Đ và Nguyễn Thị Cẩm T cùng sinh ngày 19/9/2007, Nguyễn Ngọc T1 sinh ngày 16/8/2009. Hiện cháu T đang sống với anh N, còn cháu Đ và cháu T1 sống cùng chị.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chị D xin được ly hôn anh N. Con chung chị yêu cầu nuôi Nguyễn Thị Cẩm Đ và Nguyễn Ngọc T1. Đồng ý để anh N tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thị Cẩm T. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

- Bị đơn anh Nguyễn Hoàng N dù được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị Lê Thị Kiều D khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Hoàng N, yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung của vợ chồng chị. Do đó xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo qui định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo qui định tại điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Sự vắng mặt đương sự trong vụ án: Nguyên đơn chị Lê Thị Kiều D ngày 18/11/2021 có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do bận đi làm, không có thời gian đến Tòa án. Đối với anh Nguyễn Hoàng N dù được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt cả 02 đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị D và anh N tiến đến hôn nhân năm 2000 thông qua mai mối và sắp đặt của gia đình. Trong quá trình chung sống giữa anh chị có phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2019 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Chị D xác định không còn tình cảm với anh N nên kiên quyết ly hôn. Đối với anh N không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của chị D, cũng không tham gia tố tụng tại Tòa cho thấy anh không thiết tha đoàn tụ cùng chị D. Tuy Nên, do chị và anh N chung sống với nhau dù có đủ điều kiện để thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật nhưng vẫn không thực hiện do đó Hội đồng xét xử căn cứ theo qui định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị D và anh N là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Theo lời trình bày của chị D và giấy khai sinh thể hiện chị D và anh N có 03 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm Đ và Nguyễn Thị Cẩm T cùng sinh ngày 19/9/2007, Nguyễn Ngọc T1 sinh ngày 16/8/2009. Hiện cháu T đang sống với anh N, còn cháu Đ và cháu T1 sống cùng chị. Xét thấy, các con chung

đang do anh chị nuôi có cuộc sống ổn định. Đối với cháu Đ và cháu T1 có nguyện vọng sống cùng D, còn cháu T thì Tòa án không ghi nhận ý kiến của cháu được. Do đó để tránh xáo trộn cuộc sống con nên Hội đồng xét xử xem xét giao cháu T cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, còn cháu Đ và cháu T1 tiếp tục giao chị D nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị D và anh N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thị Kiều D và anh Nguyễn Hoàng N là vợ chồng.

2. Về con chung:

2.1. Tiếp tục giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Thị Cẩm Đ sinh ngày 19/9/2007 và Nguyễn Ngọc T1 sinh ngày 16/8/2009 cho chị Lê Thị Kiều D tiếp tục nuôi dưỡng.

Tiếp tục giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Thị Cẩm T sinh ngày 19/9/2007 cho anh Nguyễn Hoàng N tiếp tục nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Người không trực tiếp nuôi con không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo qui định pháp luật.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không có

4. Về án phí: Chị Lê Thị Kiều D phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000661 ngày 06/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C xem như thi hành xong.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Kiều D và anh Nguyễn Hoàng N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN TÚ ANH

